

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2020/HNGĐ

Ngày: 25 - 11 - 2020

V/v: Tranh chấp HNGĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Ngọc Tiến – Là Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Huy - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các bên đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Anh Đ– Sinh năm 1978 (Có mặt)

HKTT + Nơi ở: Số 30/1 Lê Lợi, khối 2, phường V, thành phố L, tỉnh L

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T- Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

HKTT: Số 9 ngách 32/65 A, phường Y, quận T, Thành phố H

Nơi ở: Hiện đang bị tạm giữ tại Trại tạm giam số 2 Công an Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

- Theo đơn khởi kiện vụ án và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Anh Đ trình bày như sau:

Về tình cảm: Tôi và Anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, tôi và anh T đều kết hôn lần thứ hai, chúng tôi có Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2019 tại UBND phường Y, quận T, Thành phố H. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống tại số 30/1 L, khối 2, phường V, thành phố L, tỉnh L Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh

phúc đến tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không hợp với các con riêng của tôi dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không còn phù hợp với nhau nữa, hai bên thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Chúng tôi đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 04/2020 cho đến nay. Cuối tháng 08/2020, anh T bị bắt về tội phạm ma túy, hiện anh T đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Hà Nội theo Quyết định Tạm giam của Công an quận H, Thành phố H. Đến nay, tôi xác định không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, tôi đang làm cán bộ tại UBND phường V, thành phố L, tỉnh L, thu nhập hàng tháng của tôi khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Tôi và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi xác nhận không vay nợ ai và cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Nguyễn Anh T trình bày:

Tôi và Chị Nguyễn Anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận T, Thành phố H. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chúng tôi đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 04/2020 cho đến nay. Hiện tôi bị bắt về tội phạm ma túy và đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H theo Quyết định Tạm giam của Công an quận H, Thành phố H. Nay chị Đ xin ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý và tôi cũng đồng ý giải quyết ly hôn giữa tôi và chị Đ tại Tòa án nhân dân quận T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Tôi và chị Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chúng tôi không vay nợ ai và cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Anh T; Về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nhà đất chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ: Chúng tôi không nợ gì ai và cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết hồ sơ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án là theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị . Chị Nguyễn Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Anh T; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản, nhà đất: Chị Đ và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về công nợ: Chị Đ và anh T xác nhận không nợ gì ai và cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Anh T có đơn xin vắng mặt tại các buổi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Chị Nguyễn Anh Đ và Anh Nguyễn Anh T có Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2019 ngày 27/5/2019 tại UBND phường Y, quận T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện – Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Đ và anh T sống hạnh phúc đến tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 04/2020 cho đến nay. Cuối tháng 08/2020, anh T bị bắt về tội phạm ma túy, hiện anh T đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H theo Quyết định Tạm giam của Công an quận H, Thành phố H. Đến nay, chị Đ và anh T cùng xác định không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, chị Đ và anh T đã có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, khả năng hàn gắn tình cảm là không còn. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xác nhận chị Đ và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản, nhà đất: Chị Đ và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Chị Đ và anh T xác nhận không nợ gì ai và cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ : Điều 28; Điều 35; Điều 146; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của ủy ban th-ờng vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Anh Đ

Chị Nguyễn Anh Đ được ly hôn với Anh Nguyễn Anh T

- Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:

Về con chung: Xác nhận chị Đ và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản và nhà đất chung: Chị Đ và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về số nợ: Chị Đ và anh T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Anh Đ phải chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04147 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Đ có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Ng-ời tham gia tố tụng
- Viện kiểm sát quận T
- THA quận T
- TAND Thành phố H
- L- u hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Thảo